TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 100/2024/DS-PT
Ngày: 29-02-2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn

Các Thẩm Phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc - Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 01 và ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2023/DS-ST ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 375/2023/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị B – sinh năm 1957 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Vũ P – sinh năm 1980.

Cư trú tại: Khóm 6, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo văn bản ủy quyền ngày 30/01/2024, có mặt).

- *Bị đơn:* 1/ Ông Huỳnh Văn H – sinh năm 1957 (có mặt).

2/ Bà Huỳnh Thị H1– sinh năm 1957 (có mặt).

Cư trú tại: Ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Huỳnh Thị H2 – sinh năm 1958 (vắng mặt),

Địa chỉ: Ấp 1, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Huỳnh Thị H3– sinh năm 1952 (vắng mặt),

Cư trú tại: Ấp 10, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3/ Bà Phạm Thị N (vắng mặt),

4/ Anh Huỳnh Văn H4 (vắng mặt),

5/ Chị Tô Thị C(vắng mặt),

6/ Anh Huỳnh Văn H5 (vắng mặt),

7/ Chị Phan Thị T (vắng mặt),

8/ Chị Huỳnh Thị H6 (vắng mặt),

9/ Chị Huỳnh Thị H7 (vắng mặt),

10/ Anh Huỳnh Văn H8 (vắng mặt),

11/ Ông Huỳnh Văn K (vắng mặt),

Cư trú tại: Ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

12/ Ủy ban nhân dân huyện T.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Thới Bình: Ông Nguyễn Hoàng A – Trưởng phòng TN&MT huyện T (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện ngày 30/11/2020, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Huỳnh Thị B trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp: Do cha mẹ bà B tên Huỳnh Văn D, bà Nguyễn Thị W khai phá năm 1947. Phần đất của ông D có bề ngang 50m, dài từ kênh xáng Chắc Băng đến hậu giáp đất ông Út Hết. Ông D chưa được cấp quyền sử dụng đất, nhưng có đi kê khai đất có tên bà Huỳnh Thị H2 (em ruột bà B, con ruột của ông D) trong sổ mục kê đất với diện tích 2450m^2. Do chiến tranh nên vào năm 1968 bị bom nổ chết 08 người trong gia đình bà B trong đó có cha mẹ của bà B, ông D, bà W chết không để lại di chúc. Anh chị em của bà B còn sống gồm Huỳnh Thị B, Huỳnh Thị H2 và Huỳnh Thị H3. Sau khi hòa bình trở lại, thì chị em bà B và bà H2 trở lại canh tác và thỏa thuận chia đất của ông D để lại, gồm phần của bà B và bà H2 sử dụng phần đất với diện tích 2450m^2 do bà H2 đứng tên sổ mục kê; diện tích còn lại ông P1 và ông H chia nhau canh tác trong sổ mục kê đứng tên ông P1 (đất có chiều ngang 34m, dài từ kênh xáng Chắc Băng đến hậu giáp đất ông Út Hết). Sau năm 1976, bà B, ông H và ông P1 nhận đất canh tác đúng như thỏa thuận phân chia đất.

Năm 2002 ông P1 (là cháu ruột của bà B) mượn phần đất của bà B ngang 16m, dài 214m để làm vuông. Đến năm 2006 thì ông P1 trả đất cho bà B, (Ông

P1 đã chết vào năm 2018). Cũng trong năm 2006, ông H hỏi bà B mượn ngay phần đất của ông P1 vừa trả lại và được bà B đồng ý, đôi bên không có làm giấy tờ. Vì ông H có một phần đất liền kề với phần đất mượn của bà B nên ông H đã cuốc bờ bao quanh chung phần đất của bà B cho mượn và phần đất của ông H để làm vuông. Đến năm 2007, bà B về cất nhà ở trên đất theo thỏa thuận chia đất năm 1976 và bà B yêu cầu lấy đất lại canh tác, nhưng đến nay ông H vẫn không trả đất nên phát sinh tranh chấp. Bà B khởi kiện đối với ông H tranh chấp đất đai đòi trả đất vào tháng 8/2020 tại Ủy ban nhân dân xã P nhưng hòa giải không thành.

Giữa bà B với ông P1 không có tranh chấp đất đai với nhau.

Nay bà B yêu cầu ông H, bà H1 giao trả phần đất diện tích 1.300m^2 thuộc thửa 391, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất tranh chấp có vị trí: mặt tiền giáp hậu đất của bà B đang sử dụng không tranh chấp; mặt hậu giáp đất ông Út Hết; cạnh phải nhìn từ mặt tiền giáp lộ làng; cạnh trái nhìn từ mặt tiền giáp đất ông H không tranh chấp.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1trình bày:

Ông H và bà H1 thống nhất với lời trình bày của bà B về nguồn gốc đất tranh chấp: Do ông bà nội của ông H là ông D, bà W khai phá, cha của ông H tên Huỳnh Văn H9 sống chung nhà và nuôi ông D lúc còn sống, nên cùng canh tác trên đất cùng với ông D. Phần đất của ông D có kích thước ngang mặt tiền giáp sông Chắc Băng dài 64m, chiều dài từ sông Chắc Băng đến giáp đất ông Út Hết dài khoảng 270m, ngang mặt hậu khoảng 45m.

Năm 1968 gia đình ông D bị trúng bom của giặc nổ chết những người trong gia đình ông D gồm ông D, bà W, ông H9, Phạm Thị H10 (vợ ông H9), Huỳnh Thị H11 (con ông D, bà W), Huỳnh Văn H12 (em ruột của ông H), Huỳnh Thị H13 (em ruột ông H), Huỳnh Thị H14 (chị ruột ông H). Sau khi hòa bình, khoảng năm 1976 bà B và bà H2 là các cô ruột của ông H mới bàn bạc với nhau chia đất của ông D, bà W để lại như sau: mặt tiền chia cho bà B bề ngang 16m, chiều dài từ sông Chắc Băng vô hướng hậu đất khoảng 30m; ông H 16m ngang mặt tiền, chiều dài sông Chắc Băng đến kênh 160, phần chiều dài còn lại đến hậu đất giáp ông Út Hết là do ông Huỳnh Văn K cho ông H; còn lại chia cho ông P1 32m ngang mặt tiền, dài từ sông Chắc Băng đến hậu giáp ông Út Hết (phần của ông P1 bao gồm mồ mả của thân tộc), phần mặt tiền chia để ở; còn mặt hậu đất chia làm hai cho ông P1 và ông H, vì là đất chiến tranh hoang hóa. Giữa bà B, ông H và ông P1 đã nhận đất canh tác đến nay, không ai tranh chấp. Việc phân chia đất của ông D để lại giữa ông với bà B, bà H2, ông H không có làm biên bản. Ông H thực hiện nghĩa vụ đóng thuế nông nghiệp cho Nhà nước đầy đủ, nhưng ông H chưa đi kê khai xin cấp quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp hiện nay do ông H cùng với vợ là bà Huỳnh Thị H1canh tác phần đất từ năm 1976 đến nay.

Ông H xác định ông không mượn đất của bà B, ông H cũng không đổi đất với ông P1. Đến năm 2019, bà B khởi kiện đối với ông Lê Văn P2 và đã thắng

kiện nên bà B cho rằng phần đất ông H đang canh tác thuộc quyền sử dụng của chị em bà B, vì vậy, bà B tranh chấp với ông H. Giữa ông H với ông P1 không tranh chấp đất đai với nhau.

Nay ông H và bà H1 không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà B, vì phần đất này do ông bà của ông để lại, giữa ông và bà B, bà H2, ông P1 đã thỏa thuận phân chia xong và ông canh tác ổn định từ năm 1976 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị H2 trình bày: Bà H2 thống nhất trình bày của bà B về nguồn gốc đất, việc phân chia đất và quá trình quản lý, sử dụng đất. Năm 1976 giữa bà H2, bà B, ông H và ông P1 thỏa thuận phân chia đất của ông D, bà W để lại, phần của bà B và bà H2 được hưởng là 16m ngang mặt tiền, dài từ sông Chắc Băng đến hậu đất giáp ông Út Hết khoảng 214m, phần diện tích còn lại do ông P1 và ông H thừa hưởng. Đối với phần đất tranh chấp là do bà H2 đứng tên sổ mục kê. Nay bà H2 yêu cầu ông H giao trả cho bà và bà B phần đất ngang 16m, dài 214m, diện tích 1.300m^2 thửa 391, tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp 6, xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và công nhận quyền sử dụng đất cho bà và bà B đối với phần đất trên.

Bà Huỳnh Thị H3trình bày: Bà H3 thống nhất với bà B và bà H2 về nguồn gốc phần đất tranh chấp, quá trình sử dụng đất tranh chấp. Theo bà H3 đất này là của cha mẹ các bà để lại. Như vậy bà H3, bà B và bà H2 là hàng thừa kế thứ nhất của cha mẹ, do ông D và bà W chết không để lại di chúc. Việc chia đất cho ông P1 32m ngang, ông H 16m, còn bà B với bà H2 16m ngang là bà đứng ra phân chia vì bà là chị lớn trong nhà, do bà H3 đã có gia đình riêng và có đất đai ở nơi khác nên trong phần đất cha mẹ để lại bà H3 không nhận phần nào hết mà để lại cho 2 em gái của bà là Huỳnh Thị B và Huỳnh Thị H2 toàn quyền quản lý, sử dụng, bà H3 không có ý kiến gì khác.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/8/2023, bà Phạm Thị N trình bày: Bà N là vợ ông P1, theo hiểu biết của bà thì đất của ông Huỳnh Văn D có ranh từ cống Tư Dở đo qua đến ranh đất với ông Út Hết được chia làm hai phần, gồm một cho ông P1 32m ngang, phần còn lại chia cho bà B, bà H2 16 m và ông H 16m dài từ tiền tới hậu giáp ranh ông Út Hết, còn có việc mượn đất giữa bà B và ông H hay không thì bà không biết, trước đây phần đất tranh chấp là vườn tạp không ai quản lý vì có lúc bà B, bà H2 và ông H cũng đi nơi khác làm ăn nên ông P1 ở gần đất mới tận dụng để trồng khoai, tỉa bắp. Sau khi làm vuông thì ông P1 làm được vài năm rồi giao lại cho ông H quản lý, sử dụng cho đến nay. Phần đất ông P1 được chia thì hiện nay bà và các con bà cùng quản lý, sử dụng mà chưa được cấp quyền sử dụng đất. Đối với tranh chấp giữa bà B và ông H bà không có ý kiến và cũng không yêu cầu gì. Đồng thời bà N yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại biên bản làm việc ngày 09/8/2023, ông Huỳnh Văn K xác định phần đất từ Kinh 160 đến giáp ranh ông Út Hết trước đây là đất hoang, người dân trong khu vực vào cặm ranh thì ở, thời điểm ông quản lý, sử dụng là trước năm 1975, trên đất này ông K đào đìa nuôi cá, cất nhà tạm để ở và chưa được Nhà nước cấp

quyền sử dụng đất. Sau giải phóng ông K cho lại ông H quản lý đến nay đã hơn 40 năm, nay ông K cũng thống nhất cho ông H phần đất này và không có yêu cầu gì. Đồng thời ông K yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông cho đến khi kết thúc vụ án.

Đối với đại diện UBND huyện T, tại đơn xin vắng mặt ngày 14/9/2023 có yêu cầu xét xử vắng mặt vì lý do công tác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 98/2023/DS-ST ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1trả lại đất đối với phần đất có diện tích 2.410,5 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị H2 về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1trả lại đất và công nhận quyền sử dụng đất cho bà H2 và bà B đối với phần đất có diện tích 1.300 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 25/09/2023 bà Huỳnh Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc ông H và bà H1 trả diện tích đất 1.300m^2. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B, buộc ông H bà H1 giao trả cho bà B diện tích đất 1.102,4m^2 thuộc các thửa số: 3,6,8 và 10

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của Huỳnh Thị B, sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Tại Mảnh Trích đo địa chính lập ngày 10/02/2023 thể hiện phần đất tranh chấp có diện tích 2.410,5 m^2 thuộc thửa 136, tờ bản đồ số 01 và 09 (Bản đồ thành lập năm 2003), tọa lạc tại ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cụ Huỳnh Văn D và cụ Nguyễn Thị W khai phá năm 1947 do bà Huỳnh Thị H2 (em ruột bà B)đứng tên trong sổ mục kê với diện tích 2.450m^2. Sau khi cụ D và cụ W chết thì vào khoảng năm 1976, bà H3, bà B và bà H2 (chị em ruột) thống nhất với nhau chia diện tích đất nêu trên thành hai phần, một phần giao cho bà B và bà H2 (do bà H2 đứng tên sổ mục kê), một phần giao cho ông H và ông P1 (do ông P1 đứng tên sổ mục kê).

Đối với ông H cũng thừa nhận việc gia đình chia đất như bà B trình bày, nhưng ông H cho rằng phần đất chia cho bà B chiều ngang giáp Quốc lộ 63 dài 16m, chiều dài chạy vô hậu đất là 30m nhưng ông H không có gì chứng minh. Mặc khác, phần đất tranh chấp bà H2 đã kê khai đăng ký trong sổ mục kê, còn ông H không có giấy tờ gì đối phần đất này. Ông H cho rằng, phần đất tranh chấp từ Kinh 160 trở về hậu đất do ông Huỳnh Văn K cho ông, nhưng không có gì chứng minh phần đất trên thuộc quyền sử dụng của ông K. Hơn nữa, đây là đất phụ ấm do cha mẹ, ông bà để lại, không phải là đất do bà B và ông H tự khai phá, việc chia đất trong gia đình được bà H2, bà H3, bà B là chị em ruột đều xác định thống nhất với nhau.

[3] Theo ông Đặng Văn L2 nguyên là Phó Chủ tịch ủy ban xã P và ông Trần Thanh N3 nguyên trưởng Ban nhân dân ấp 6 xã P xác định: Trước đây khi làm lộ giao thông Kinh Tư Dở (tuyến lộ chạy dọc theo chiều dài phần đất tranh chấp) thì ông L2, ông N3 có đến vận động bà B hiến đất làm lộ giao thông. Theo bà Phạm Thị N (vợ ông P1) cũng xác định: Đất của cụ Huỳnh Văn D có chia cho ông P1, ông H. Bà B, bà H2 được chia 16m ngang, dài từ tiền tới hậu giáp ranh ông Út Hết (Nguyễn Hoàng Hết).

[4] Như vậy, có cơ sở xác định phần đất tranh chấp là của bà B và bà H2 được gia đình cho, có đăng ký kê khai trong sổ mục kê từ năm 1994, do bà B không sử dụng nên cho ông P1 và ông H là cháu ruột bà B mượn sử dụng. Án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà B là không phù hợp. Tuy nhiên, theo trích lục bản đồ địa chính thì phần đất bà H2 đăng ký có vị trí: Phía mặt tiền giáp Quốc lộ 63, phía hậu giáp Kinh. Đối chiếu với kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đất tranh chấp từ hướng mặt tiền giáp đất bà B đang quản lý đến giáp Kinh 160 có diện tích 1.102,4 m^2 gồm các thửa 03, 06, 08 và 10. Nếu tính luôn diện tích này và diện tích đất bà B đang quản lý là 1.102,4 m^2 + 394,2m^2 = 1.496,6m^2 là phù hợp và tương đương với sổ mục kê bà H2 đăng ký với diện tích 1.370m^2. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B, buộc ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B diện tích đất tranh chấp là 1.102,4m^2, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B về việc yêu cầu ông H và bà H1 trả lại diện tích đất 197,6m^2.

[5] Hiện nay, trên đất tranh chấp ông H có làm nhà ở và mái che kết cấu cột sắt, bê tông, sàn gỗ lợp tôn, nền xi măng, xây dựng năm 2016; có 06 cây dừa cho trái và 07 cây dừa còn nhỏ, một bụi trúc. Giá trị cây trồng trên đất là 4.255.000 đồng, một cái ao nuôi tôm cá. Do đó, cần buộc ông H và bà H1 có nghĩa vụ di dời nhà, thu hoạch tôm, cá để trả đất cho bà B. Riêng số cây trồng nếu di dời sẽ không đảm bảo về mặt giá trị sử dụng, nên cần buộc bà B trả lại giá trị cho ông H và bà H1 là phù hợp. Bà B được sử dụng phần cây trồng trên đất.

Đối với bà Huỳnh Thị H2 xác định đã giao toàn bộ phần đất tranh chấp cho bà B quản lý sử dụng và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự là người cao tuổi, nên được miễn.

[7] Về chi phí tố tụng: Số tiền 14.725.100 đồng, do chấp nhận một phần yêu cầu của bà B, nên nguyên đơn và bị đơn phải chịu ½ bằng 7.362.550 đồng. Bà B đã nộp xong, ông H và bà H1 có nghĩa vụ trả lại cho bà B 7.362.550 đồng.

[8] Án phí phúc thẩm bà B không phải chịu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị B, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 98/2023/DS-ST ngày 15 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B. Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1trả cho bà Huỳnh Thị B diện tích đất tranh chấp 1.102,4 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau, có vị trí:

- Đông giáp Kinh 160 dài 9,24m;

- Tây giáp phần đất bà Huỳnh Thị B 11,86m;

- Nam giáp lộ bê tông dài 94,05m;

- Bắc giáp đất ông Huỳnh Văn H dài 94,39m.

(Theo Mảnh trích đo địa chính ngày 10/02/2023)

2. Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1di dời nhà và công trình khác, thu hoạch tôm, cá nuôi trên đất tranh chấp, giao cho bà B 13 cây dừa, 01 bụi trúc để trả lại đất cho bà Huỳnh Thị B.

3. Buộc bà Huỳnh Thị B trả lại cho ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1giá trị cây trồng với số tiền 4.255.000 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B về việc yêu cầu ông H và bà H1 trả lại diện tích đất 197,6m^2.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị H2 về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1trả lại đất và công nhận quyền sử dụng đất cho bà H2 và bà B đối với phần đất có diện tích 1.300 m^2 tọa lạc tại ấp 6, xã P, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị B, bà Huỳnh Thị H2, ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1được miễn.

7. Về chi phí xem xét thẩm định, đo đạt và thẩm định giá tài sản: Ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị H1có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị B số tiền 7.362.550 đồng.

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

8. Án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị B không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hồ Minh Tấn